

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ VIỆT NAM

Nội dung chương trình đào tạo

1. Khái quát chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy trong quá trình đào tạo: **60 tín chỉ**

Trong đó:

-Phần kiến thức chung : 10 tín chỉ

-Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành : 40 tín chỉ

Trong đó:

+ Kiến thức cơ sở bắt buộc : 06 tín chỉ

+ Kiến thức cơ sở tự chọn : 08 tín chỉ

+ Kiến thức chuyên ngành bắt buộc : 9 tín chỉ

+ Kiến thức chuyên ngành tự chọn : 17 tín chỉ

-Luận văn Thạc sĩ : 10 tín chỉ

2. Danh mục các học phần

Mã số môn học		Tên môn học	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH/TN/TL
		Phần kiến thức chung	10	6	4
NNTH	501	Triết học	4	3	1
NNTA	502	Tiếng Anh	6	3	3
		Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành	40	26	14
		<i>Kiến thức cơ sở (bắt buộc)</i>	6	4	2
NNAV	504	Âm vị học và âm vị học Việt ngữ	3	2	1
NNNV	505	Từ vựng - ngữ nghĩa học Việt ngữ	3	2	1
		<i>Kiến thức cơ sở tự chọn</i>	8	5	3
NNNC	508	Những vấn đề về ngữ pháp chức năng	3	2	1
NNXH	520	Ngôn ngữ học xã hội	3	2	1
NNHV	529	Từ Hán Việt	2	1	1
		<i>Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)</i>	9	6	3

Mã số môn học		Tên môn học	Khối lượng (tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH/TN/TL
NNDV	511	Dụng học Việt ngữ	3	2	1
NNLG	512	Lôgic và tiếng Việt	3	2	1
NNDC	513	Nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ	3	2	1
		<i>Kiến thức chuyên ngành tự chọn</i>	17	11	6
NNLH	517	Loại hình học ngôn ngữ	3	2	1
NNTN	518	Ngôn ngữ học tri nhận	3	2	1
NNLK	519	Liên kết văn bản	3	2	1
NNVH	521	Ngôn ngữ học và văn hóa	3	2	1
NNDN	522	Phân tích diễn ngôn	3	2	1
NNNT	528	Ngôn ngữ nghệ thuật	2	1	1
NNLV	530	Luận văn	10		